

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2464/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2011

| | |
|----------------------------------|---------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Số: ... 975.7 ... |
| | Ngày: ... 22/12 ... |

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế) với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và thời hạn lập Quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Bao gồm ranh giới hành chính của 6 xã thuộc huyện Minh Hóa là: Dân Hóa, Trọng Hóa, Hóa Thanh, Hóa Phúc, Hồng Hóa và Hóa Tiến với tổng diện tích là 537,7km².

b) Thời hạn lập quy hoạch:

- Quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2020;

- Định hướng quy hoạch đến năm 2030.

2. Tính chất khu kinh tế

Là trung tâm kinh tế và đô thị phía Tây của tỉnh Quảng Bình.

Là đầu mối trung chuyển, trung tâm xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của tỉnh Quảng Bình với nước bạn Lào và Thái Lan.

Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của Quốc gia.

3. Các chỉ tiêu, quy mô cơ bản

a) Quy mô dân số:

Dân số hiện trạng năm 2010: 14.400 người.

Dự báo đến năm 2020: Quy mô dân số khoảng 20.000 - 25.000 người.
Lao động khoảng 15.000 - 17.000 người.

Dự báo đến năm 2030: Quy mô dân số khoảng 30.000 - 35.000 người.
Lao động khoảng 22.000 - 25.000 người.

b) Quy mô đất đai dự kiến:

Tổng diện tích đất tự nhiên của khu kinh tế khoảng 53.770 ha, trong đó dự kiến: Đất khu phi thuế quan khoảng 50 ha - 300 ha, đất dân dụng - công nghiệp khoảng 10.000 ha - 15.000 ha; đất khu dịch vụ, du lịch khoảng 2.000 ha; đất khác khoảng 41.270 ha - 35.770 ha.

c) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

| TT | Hạng mục | Đợt đầu (2020) | Dài hạn (2030) |
|-----------|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| I | Đất xây dựng đô thị | 140 - 160m²/người | 160 - 180m²/người |
| 1 | Đất dân dụng: | 80 - 90 m ² /người | 80 - 90 m ² /người |
| | - Đất ở | 40 - 50 m ² /người | 40 - 50 m ² /người |
| | - Đất CTCC | 5 - 8 m ² /người | 6 - 10 m ² /người |
| | - Đất cây xanh TDTT | 16 - 18 m ² /người | 16 - 20 m ² /người |
| | - Đất giao thông | 15 - 20 m ² /người | 15 - 20 m ² /người |
| 2 | Đất ngoài dân dụng (bao gồm đất CN - TTCN, đất du lịch, đất các cơ quan .v.v...) | 60 - 80 m ² /người | 80 - 90 m ² /người |
| II | Các chỉ tiêu HTKT | | |
| | - Cấp điện sinh hoạt | 700KWh/người/năm | 800KWh/người/năm |
| | - Cấp nước | 120l/người/ngđ | 150l/người/ngđ |
| | - Thoát nước bản và VSMT: | | |
| | + Thoát nước | 100l/người/ngđ | 120l/người/ngđ |
| | + Rác thải | 1kg/người/ngày | 1,2kg/người/ngày |
| | - Giao thông đô thị | | |
| | + Tỷ lệ giao thông/đất XDĐT | 18 - 30% | 18 - 30% |
| | + Mật độ mạng lưới đường tại các khu vực xây dựng tập trung | 3 - 3,5 km/km ² | 3 - 3,5 km/km ² |

4. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu

a) Tổ chức không gian

Đề xuất cấu trúc phát triển và cơ cấu phân khu chức năng cụ thể của Khu kinh tế bao gồm: Khu phi thuế quan; khu chế xuất; khu công nghiệp; khu giải trí; khu du lịch; khu đô thị mới và các khu dân cư; khu hành chính và các khu chức năng khác.

Bố cục không gian kiến trúc cảnh quan theo phân vùng chức năng, theo các trục không gian chính. Nghiên cứu bố trí các điểm trọng tâm mang tính biểu tượng của quốc gia, của khu kinh tế như Quốc môn, tượng đài hoặc phù điêu biểu trưng, các cửa kiểm soát tại cửa ngõ Khu kinh tế. Các công trình thuộc khu kinh tế cửa khẩu cần cách xa đường biên giới ít nhất 100 m, tránh ảnh hưởng đến đường biên và mốc giới (theo đúng Hiệp định và Quy chế biên giới giữa Việt Nam và Lào).

b) Quy hoạch sử dụng đất

- Xác định hệ thống các trung tâm, vị trí, quy mô các khu chức năng trong Khu kinh tế, các khu hiện có phát triển ổn định, các khu cần chỉnh trang, cải tạo nâng cấp, các khu cần bảo tồn, tôn tạo, các khu chuyển đổi chức năng, các khu quy hoạch xây dựng mới, các khu cấm xây dựng và các khu dự kiến mở rộng...

- Xác định các khu vực cần bảo vệ, cấm xây dựng.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn cần phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch bố trí, ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào tỉnh Quảng Bình đến năm 2015.

c) Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chuẩn bị kỹ thuật: Xác định cao độ khống chế hợp lý cho các khu vực xây dựng; chọn mô hình hệ thống thoát nước, xác định các lưu vực thoát nước chính, kết cấu mạng lưới cống và mương.

- Giao thông: Đề xuất các nội dung về giao thông đối ngoại, liên vùng, liên khu vực có liên quan; tổ chức mạng lưới giao thông, phân loại phân cấp các tuyến giao thông và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ; xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bãi đỗ xe chính và phụ, cầu, đường bộ.

- Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước; nguồn cấp; đề xuất các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước.

- Cấp điện: Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cao áp, trung áp và cấu trúc lưới điện hạ thế; xác định nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng giao thông, công cộng....

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn; đề xuất thiết kế mạng lưới thoát nước thải; thu gom chất thải rắn, các giải pháp về nghĩa trang.

d) Quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2020.

Đề xuất kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển để khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng.

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phát triển.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá môi trường chiến lược do phát triển các khu chức năng với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

e) Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo được phê duyệt.

5. Thành phần hồ sơ.

Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 theo quy định.

- Cơ quan trình duyệt : Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Cơ quan thẩm định : Bộ Xây dựng.

- Cấp phê duyệt : Thủ tướng Chính phủ.

- Tiến độ thực hiện : 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Tài chính, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).N **38**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải